|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  **SỞ TÀI CHÍNH**  Số: 4447/HD-STC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2018* |

**HƯỚNG DẪN**

**Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019   
và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021**

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán NSNN năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 21/6/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021;

Sở Tài chính hướng dẫn một số nội dung cơ bản về xây dựng dự toán NSNN năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021 như sau:

**I/ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2018 VÀ GIAI ĐOẠN 2016 - 2018**

Các sở, ngành và quận, huyện, thị xã căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 04/12/2017 của HĐND Thành phố về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2018, Quyết định số 8586/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND Thành phố về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách của thành phố Hà Nội năm 2018; các Quyết định của UBND Thành phố về phân bổ kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ bổ sung trong năm; Văn bản số 8417/STC-QLNS ngày 20/12/2017 của Sở Tài chính Hà Nội về hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2018.

**1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN**

***1.1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2018***

Đánh giá thực hiện thu NSNN theo quy định của Luật NSNN năm 2015, không hạch toán vào NSNN các khoản thu phí, lệ phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí; các khoản được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước hoặc khoản trích lại của các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện.

Căn cứ kết quả thu NSNN 6 tháng đầu năm, dự báo tình hình sản xuất kinh doanh, diễn biến giá cả thị trường 6 tháng cuối năm, các sở, ngành có liên quan và UBND các quận, huyện, thị xã thực hiện rà soát đánh giá các yếu tố tác động tăng, giảm thu, kiến nghị các giải pháp điều hành thu để phấn đấu hoàn thành mức cao nhất dự toán thu NSNN đã được HĐND các cấp thông qua; đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2018 tập trung vào các nội dung sau:

- Đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu ngân sách năm 2018, chú ý làm rõ:

+ Thuận lợi, khó khăn trong hoạt động sản xuất - kinh doanh và xuất nhập khẩu năm 2018 của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế do tác động của các yếu tố trong nước và ngoài nước; khả năng triển khai các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu của các doanh nghiệp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn. Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; diễn biến thị trường.

+ Tác động của diễn biến giá dầu thô, giá hàng hóa nông sản trên thị trường thế giới và trong nước, tác động của việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, việc triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016, Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018, Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 về Chính phủ điện tử, các chính sách tiền tệ, tín dụng, thương mại, đầu tư, chính sách giá, cải cách thủ tục hành chính và tác động của các yếu tố khác đến nền kinh tế và kết quả thu NSNN trong 6 tháng đầu năm.

- Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu NSNN theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ; tình hình triển khai thực hiện các chính sách thuế, phí và lệ phí được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực trong năm 2018; điều chỉnh thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) theo lộ trình của một số mặt hàng theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế; quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ; quy định về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và các văn bản, chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2018.

- Đánh giá tình hình thanh tra, kiểm tra và xử lý thu hồi nợ đọng thuế:

+ Rà soát, xác định số nợ thuế đến ngày 31/12/2017; báo cáo việc triển khai thực hiện công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế năm 2018, xóa nợ thuế trong 6 tháng đầu năm 2018, báo cáo, đánh giá dự kiến số nợ thuế đến ngày 31/12/2018.

+ Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, thanh tra, quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

- Đánh giá tình hình kê khai, nộp thuế và hoàn thuế GTGT phát sinh năm 2018 theo quy định của Luật thuế GTGT. Trong đó, dự kiến số kinh phí hoàn thuế GTGT trong năm 2018 gắn với tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế GTGT, xử lý thu hồi tiền hoàn thuế GTGT sai quy định; đề xuất các kiến nghị điều chỉnh cơ chế quản lý hoàn thuế GTGT để đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

- Đánh giá tình hình thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai và thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

- Kết quả phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu NSNN, bán đấu giá tài sản Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

- Kết quả thực hiện thu phí, lệ phí, trong đó làm rõ tổng số thu, số thu nộp NSNN, số thu được để lại so với dự toán và sự phù hợp của tỷ lệ phí được để lại; thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt và tịch thu khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2018.

- Đánh giá các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí).

- Công ty Xổ số kiến thiết Thủ đô đánh giá, phân tích tình hình thu từ nguồn xổ số kiến thiết, phân chia doanh thu xổ số (nộp thuế, trả thưởng cho khách hàng, chi phí cho đại lý bán vé, chi phí in vé, quản lý doanh nghiệp và trích lập các quỹ); tỷ lệ vé hủy không bán được.

***1.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN 03 năm 2016 - 2018***

Trên cơ sở ước thực hiện cả năm 2018, đánh giá lũy kế tổng số thu NSNN thực hiện giai đoạn 2016 - 2018 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 - 2020, chi tiết từng nguồn thu từ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế, thu nội địa còn lại (ngoài tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế), thu từ hoạt động xuất nhập khẩu; đánh giá những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị giải pháp về cơ chế, chính sách, quản lý thu NSNN trong thời gian tới.

**2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi NSĐP năm 2018**

***2.1. Đối với nhiệm vụ chi đầu tư phát triển***

a) Công tác bố trí và tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển năm 2018

- Tình hình bố trí và giao dự toán chi ĐTPT năm 2018: Việc bố trí, phân bổ vốn, giao dự toán chi ĐTPT cho các dự án, công trình trong năm 2018 theo Luật Đầu tư công; thời gian phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ XDCB thuộc trách nhiệm của từng cấp ngân sách.

- Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công và điều chỉnh dự án đầu tư công (nếu có) theo qui định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND Thành phố.

- Tình hình thực hiện chi ĐTPT năm 2018: Tình hình thực hiện kế hoạch ĐTPT năm 2018, bao gồm giá trị khối lượng thực hiện, vốn thanh toán đến hết Quý II/2018 (gồm thanh toán khối lượng hoàn thành và thanh toán tạm ứng vốn đầu tư), dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến ngày 31/12/2018 (có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2017, kế hoạch vốn năm 2018 - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2018, kèm theo thuyết minh).

Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất (trong đó báo cáo chi tiết: các dự án đã hoàn thành chưa được quyết toán do chưa được bố trí dự toán ngân sách, ước thực hiện năm 2018; nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đã nộp ngân sách nhưng chưa đề xuất sử dụng đến ngày 31/12/2017; số thu ước phát sinh trong năm 2018).

- Tổng hợp, đánh giá tình hình nợ đọng khối lượng đầu tư XDCB nguồn NSNN (bao gồm cả trái phiếu Chính phủ (TPCP) theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012, số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 và số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 và chỉ đạo của UBND Thành phố tại các Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 30/7/2013, số 07/CT-UBND ngày 29/5/2015: Số nợ đến ngày 31/12/2017, số thu hồi trong năm 2018, ước số nợ XDCB, số ứng còn đến ngày 31/12/2018 (chi tiết từng dự án).

- Tình hình triển khai các dự án, chương trình từ nguồn vay và trả nợ các nguồn vốn vay của địa phương.

- Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6/2018 và dự kiến đến hết năm 2018; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

- Đánh giá vướng mắc trong quản lý đầu tư theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan, kiến nghị giải pháp xử lý.

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi hỗ trợ phát triển:

Tình hình thực hiện chính sách tín dụng cho các chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; tín dụng học sinh, sinh viên; cho vay giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động; cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;… Mỗi chương trình cho vay cần làm rõ cơ sở pháp lý, phạm vi, đối tượng, điều kiện vay, lãi suất huy động bình quân, lãi suất cho vay bình quân; dư nợ cho vay đầu năm, số phát sinh vay và trả nợ trong năm, dự kiến mức dư nợ cuối kỳ; số nợ kinh phí cấp bù lãi suất đầu năm, số phát sinh trong năm, số đã được cấp bù, số dự kiến còn nợ cuối năm. Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh thành phố Hà Nội báo cáo về tình hình thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở đối với hộ nghèo trên địa bàn Thành phố (nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội).

- Đánh giá tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa (tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư cho phát triển ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục).

b) Đánh giá tình hình thực hiện chi ĐTPT 3 năm 2016 - 2018:

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện cả năm 2018, thực hiện đánh giá lũy kế tình hình kết quả triển khai 03 năm 2016 - 2018 so với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; trong đó, cần làm rõ:

- Lũy kế số chi ĐTPT thực hiện giai đoạn 2016 - 2018 so với kế hoạch trung hạn được cấp thẩm quyền giao giai đoạn 2016 - 2020, trong đó chi tiết nguồn cân đối NSĐP, nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu, cụ thể từ nguồn TPCP, nguồn vốn ngoài nước (bao gồm cả nguồn vốn vay và vốn viện trợ không hoàn lại), vốn trong nước - nếu có.

- Số dự án có nợ XDCB đã tổng hợp, bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020, tình hình bố trí vốn các năm 2016 - 2018 để xử lý nợ XDCB, dự kiến bố trí số còn lại các năm 2019 - 2020. Số dự án đã được thực hiện còn nợ XDCB nhưng chưa báo cáo tổng hợp trong kế hoạch trung hạn, số phát sinh (nếu có), đề xuất biện pháp xử lý nợ XDCB các dự án trên.

- Lũy kế số vốn ứng trước đã tổng hợp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020, tình hình bố trí vốn các năm 2016 - 2018 để thu hồi vốn ứng, dự kiến bố trí số còn lại để thu hồi các năm 2019 - 2020. Số vốn ứng trước phát sinh đến nay chưa được tổng hợp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn (nếu có), đề xuất biện pháp xử lý.

- Lũy kế việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ chi hỗ trợ phát triển năm 2016 - 2018 so với kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 được cấp thẩm quyền giao, chi tiết từng chương trình, chính sách hỗ trợ; khó khăn, kiến nghị nếu có.

- Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa năm 2016 - 2018 so với kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 được giao (chi tiết tổng nguồn lực, cơ cấu nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục).

***2.2. Đối với nhiệm vụ chi thường xuyên***

*a) Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2018:*

- Tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2018 theo từng lĩnh vực chi được giao; kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý.

- Kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu, đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục ngay trong năm 2018, cụ thể:

+ Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế (chính sách an sinh xã hội, chính sách phát triển nông nghiệp,…).

+ Tình hình hướng dẫn triển khai và kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm và ước cả năm (chi tiết các mục tiêu và kinh phí dành ra) việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh chủ trương tinh giản biên chế; Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/03/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

+ Tình hình hướng dẫn, triển khai và kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm và ước cả năm (chi tiết các mục tiêu và kinh phí dành ra) việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 27/01/2018 của Thành ủy Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII; việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 20/5/2016 của UBND Thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công; Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 18/6/2018 của UBND Thành phố triển khai thực hiện nâng mức tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố quản lý giai đoạn 2018-2021; tình hình thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo các Nghị định của Chính phủ số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai và đề xuất, kiến nghị với UBND Thành phố, các Bộ, ngành Trung ương.

Trong lĩnh vực y tế, đánh giá kết quả thực hiện giảm ngân sách cấp chi thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ y tế và việc sử dụng số kinh phí dành ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 132/2017/TT-BTC, những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị.

Trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, đánh giá cụ thể về kết quả thực hiện Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014; xác định những khó khăn, vướng mắc, các giải pháp, kiến nghị để vận dụng, mở rộng thực hiện đối với Nghị quyết số 19-NQ-TW.

- Tình hình triển khai thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của UBND Thành phố trong 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2018; các khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị xử lý.

*b) Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên giai đoạn 2016 - 2018 như sau:*

- Đối với các chương trình, đề án, nhiệm vụ có mục tiêu, kế hoạch triển khai diễn ra trong giai đoạn 2016 - 2020, đánh giá chi tiết từng quyết định giao nhiệm vụ, tổng kinh phí, phân kỳ thực hiện từng năm 2016 - 2020, số lũy kế đã thực hiện năm 2016 - 2018, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

- Đánh giá lũy kế việc triển khai Nghị quyết số 39-NQ/TW trong 3 năm 2016 - 2018 so với các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 39-NQ/TW chi tiết đối với từng mục tiêu, số kinh phí dành ra được.

- Đánh giá lũy kế việc triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP; Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 20/5/2016 của UBND Thành phố; tình hình thực hiện lộ trình tính đủ chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công; việc thực hiện tinh giản biên chế trong 3 năm 2016 - 2018 (% đã giảm được so với thời điểm 31/12/2015); kinh phí thường xuyên đã giảm được trong 3 năm 2016 - 2018 (% đã giảm được so với thời điểm 31/12/2015); tình hình tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập vào thời điểm 31/12/2018 (so với thời điểm 31/12/2015); chi tiết đối với từng lĩnh vực sự nghiệp; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

***2.3. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu của Thành phố và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước***

Các sở, ngành và quận, huyện đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu Thành phố năm 2018; thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong triển khai. Trường hợp CTMTQG, CTMT có sử dụng nguồn vốn ngoài nước thì báo cáo tình hình giải ngân chi tiết theo vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, cơ chế tài chính và đề xuất kiến nghị (nếu có).

Các sở, ngành, chủ đầu tư đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi các chương trình, dự án khác sử dụng vốn ngoài nước (bao gồm cả dự án ô), chi tiết theo vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, cơ chế tài chính và đề xuất kiến nghị (nếu có).

Riêng các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và/hoặc vay ưu đãi, trường hợp xác định khả năng giải ngân vượt dự toán được giao (nếu có), thì phải có báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chỉnh trong phạm vi dự toán tổng nguồn vốn nước ngoài được giao hoặc bổ sung dự toán trước khi thực hiện nếu vượt dự toán tổng nguồn vốn nước ngoài được giao.

Trên cơ sở ước thực hiện dự toán chi năm 2018, đánh giá lũy kế việc thực hiện giai đoạn 2016 - 2018 so với mục tiêu, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 được giao (nếu có)/hoặc kế hoạch thực hiện giai đoạn 2016 - 2020 theo Hiệp định hoặc thỏa thuận đã ký kết; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

***2.4. Đối với hoạt động của các quỹ***

Các Quỹ: Đầu tư phát triển; Khuyến nông; Ưu đãi và khuyến khích thu hút nhân tài; Hỗ trợ nông dân; Hỗ trợ phát triển hợp tác xã; Khám chữa bệnh cho người nghèo; Bảo trì đường bộ; Thi đua khen thưởng Thành phố đánh giá kết quả hoạt động và báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2018 và dự kiến kế hoạch hoạt động, thu - chi tài chính năm 2019.

***2.5. Đối với kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương năm 2018***

Các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố và các quận, huyện, thị xã báo cáo quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) thực hiện năm 2017 và dự kiến năm 2018; nhu cầu kinh phí tăng thêm đến mức lương cơ sở 1,39 triệu đồng/người/tháng từ ngày 01/7/2018; việc sử dụng nguồn để thực hiện cải cách tiền lương năm 2018, gồm: nguồn cải cách tiền lương năm 2017 chưa sử dụng; nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương); 50% tăng thu NSĐP thực hiện so với dự toán năm 2017 (đối với các quận, huyện, thị xã); số thu được để lại theo chế độ phù hợp với lộ trình kết cấu chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, các Nghị định về tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo lĩnh vực; nguồn dành ra gắn với việc thực hiện các Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW; nguồn còn dư chuyển năm sau.

**3. Đánh giá thực hiện một số nội dung quan trọng khác**

Ngoài các yêu cầu chung nêu trên, cần chú ý tập trung đánh giá thực hiện một số nội dung sau:

- Đánh giá công tác huy động các nguồn lực tài chính để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố năm 2018 và lũy kế kết quả huy động các nguồn lực tài chính để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố 03 năm 2016 - 2018, so với kế hoạch 05 năm 2016 - 2020, xác định những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị.

- Khả năng cân đối ngân sách quận, huyện, thị xã so với dự toán, các biện pháp đã và sẽ thực hiện để đảm bảo cân đối NSĐP trong trường hợp dự kiến bị giảm thu NSĐP trong năm 2018; tình hình cân đối NSĐP so với dự toán của từng năm 2016 - 2018; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị nếu có.

- Trên cơ sở ước thực hiện chi ĐTPT năm 2018, đánh giá tình hình lũy kế thực hiện chi ĐTPT giai đoạn 2016 - 2018 so với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, trong đó chi tiết nguồn cân đối NSĐP (cụ thể nguồn tiền sử dụng đất, nguồn thu từ xổ số kiến thiết, nguồn NSĐP còn lại, nguồn vay lại) và nguồn NSTW, NSTP bổ sung có mục tiêu (cụ thể nguồn ngoài nước, nguồn khác - nếu có).

- Tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội, các chính sách thường xuyên bố trí trong dự toán năm 2018 như: Chính sách bảo trợ xã hội, chính sách đối với người cao tuổi, người khuyết tật; chính sách bảo hiểm y tế hỗ trợ người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người cận nghèo, học sinh, sinh viên, hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, chi tiết kinh phí mua thẻ BHYT cho đối tượng nghèo đa chiều thiếu BHYT và không thiếu hụt BHYT; chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế; chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ người có công với cách mạng; chính sách đối với các hộ nghèo và hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; các chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú, bán trú, học sinh học tại các trường ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chính sách hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; hỗ trợ phòng trừ dịch bệnh và phòng chống, khắc phục thiên tai, bão lũ, cứu đói cho người dân; giá dịch vụ thuỷ lợi phí,…(đối với từng chính sách, đề nghị báo cáo cụ thể đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện theo biểu mẫu đính kèm).

- Tình hình thực hiện chính sách đối với hộ nghèo thu nhập và hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định về chuẩn nghèo đa chiều; thời điểm thực hiện và nguồn ngân sách bảo đảm. Đối với từng chính sách, đề nghị có báo cáo cụ thể đối tượng (trong đó đối với hộ nghèo xác định theo tiêu chí thu nhập), nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2018 (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính).

- Tình hình triển khai sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế và đổi mới các đơn vị sự nghiệp năm 2018 và lũy kế 03 năm 2016 – 2018, cụ thể kết quả đạt được theo từng mục tiêu, nhiệm vụ; kinh phí dành ra đối với từng Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 70-KH/TU ngày 25/01/2018 và Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 27/01/2018 của Thành ủy Hà Nội (giải trình chi tiết kinh phí dành ra theo từng mục tiêu đã đề cập tại các Nghị quyết, chi tiết giảm chi lương, chi hoạt động theo định mức khi giảm biên chế, giảm hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập đã sắp xếp lại hoặc chuyển sang nhóm tự chủ cao hơn, giảm chi sắp xếp đơn vị hành chính, giảm kinh phí hỗ trợ từ NSNN do tăng thu trên cơ sở xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo lộ trình tính đúng, tính đủ quy định tại Điều 10 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định về tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo lĩnh vực của Chính phủ…); khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

- Báo cáo cụ thể việc bố trí ngân sách và sử dụng dự phòng của các quận, huyện, thị xã để thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; tình hình sử dụng dự phòng ngân sách đến 30/6/2018.

- Đánh giá tình hình phân bổ, thực hiện chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất cho đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương.

- Đánh giá kết quả thực hiện đầu tư các dự án từ nguồn thu xổ số kiến thiết năm 2018 và lũy kế 3 năm 2016-2018.

- Tình hình thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới: kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTP, NSQH, các nguồn huy động khác,…), số xã hoàn thành mục tiêu chương trình; trường hợp mức cân đối NSQH và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

- Tình hình thực hiện CTMTQG giảm nghèo: Kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTP, NSQH, các nguồn huy động khác,…); trường hợp mức cân đối NSQH và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

- Tình hình thực hiện các CTMT: Kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, NSTP, các nguồn huy động khác,…).

**II/ CÔNG TÁC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2019**

Các sở, ngành, quận, huyện, thị xã xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2019 căn cứ theo quy định của Luật NSNN năm 2015, các văn bản hướng dẫn thi hành, văn bản có liên quan của Trung ương và Thành phố, phù hợp với tiến độ thực hiện đến hết 31/12/2018; mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, trong đó tập trung một số nội dung cơ bản sau:

**1. Yêu cầu**

- Năm 2019 là năm triển khai đồng bộ các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII; tiếp tục triển khai Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 09/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch tài chính quốc gia 5 năm giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết Đại hội lần thứ XVI Đảng bộ Thành phố, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và tài chính - ngân sách 5 năm 2016-2020.

- Dự toán NSNN năm 2019 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật về quy trình, thời hạn, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện đến hết 31/12/2018; mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND Thành phố thông qua; phù hợp với định hướng phát triển và mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2019 theo chỉ thị của UBND Thành phố. Việc xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2019 phải theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán NSNN; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

- Các sở, ngành, quận, huyện, thị xã trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, lũy kế việc thực hiện 03 năm 2016 - 2018, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và giai đoạn 2016-2020 của ngành, lĩnh vực và địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong năm 2019; chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên, các chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2019 trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Các sở, ngành khi xây dựng dự toán cần tính tới việc rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, lồng ghép các chính sách chồng chéo, trùng lắp, kém hiệu quả; không đề xuất các chính sách làm giảm thu ngân sách; chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

**2. Xây dựng dự toán thu NSNN**

Dự toán thu NSNN năm 2019 được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2018; đồng thời phân tích, dự báo tình hình kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế, đặc biệt là những nhân tố tác động làm thay đổi tình hình đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện các biện pháp cải cách, hiện đại hoá công tác quản lý thu, đẩy mạnh triển khai hóa đơn điện tử, tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, phát hiện và ngăn chặn các hành vi chuyển giá, trốn lậu thuế; tăng cường xử lý nợ đọng thuế, các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi.

Dự toán thu nội địa (không kể thu từ dầu thô, thu tiền sử dụng đất, thu XSKT, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức và lợi nhuận sau thế) năm 2019 tăng bình quân tối thiểu 12% - 14% so với đánh giá ước thực hiện năm 2018. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân tối thiểu 4% - 6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2018. Mức tăng thu cụ thể của từng quận, huyện, thị xã tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn.

***2.1. Xây dựng dự toán thu nội địa***

- Các sở, ngành có liên quan và các quận, huyện, thị xã khi xây dựng dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2019 ngoài việc phải đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu nêu trên, phải xác định rõ các khoản thu thuộc và không thuộc phạm vi thu NSNN, tổng hợp đầy đủ các nguồn thu thuộc phạm vi thu NSNN phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn, các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các khoản thuế từ các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh); trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2017, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, yêu cầu phấn đấu và khả năng thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2018, số lũy kế thực hiện 03 năm 2016 - 2018; dự báo tăng trưởng kinh tế trên địa bàn năm 2019 và số kiểm tra dự toán thu năm 2019 được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

- Dự toán thu NSNN năm 2019 phải được xây dựng trên cơ sở hệ thống dữ liệu đối tượng nộp thuế, đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các nhà máy mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu NSNN năm 2019 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2019; trong đó lưu ý: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB, trong đó điều chỉnh tăng thuế suất thuế TTĐB đối với mặt hàng thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá.

- Tổng hợp đầy đủ khoản thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước (bao gồm cả số phát sinh từ giấy phép do Trung ương cấp và giấy phép do Ủy ban nhân dân Thành phố cấp); tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trung ương, địa phương xử lý.

- Dự toán thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Dự toán số thu sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn Luật; toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất) và số thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (sau khi trừ chi phí liên quan) phải nộp NSNN và được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN cho mục đích ĐTPT theo quy định.

- Các sở, ngành có liên quan và các quận, huyện, thị xã phải tính tới các nguồn thu gắn với việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp về tăng cường công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, giám sát hoàn thuế GTGT, tăng cường giám sát, quản lý, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và UBND Thành phố; các nguồn thu từ đôn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra Chính phủ, các cơ quan chức năng và số tiền thuế truy thu, truy hoàn, tiền thuế nợ dự kiến thu hồi cho NSNN.

- Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định, các cơ quan, đơn vị và các quận, huyện, thị xã ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2018, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2019 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (chi tiết tổng số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn), nhưng chỉ tổng hợp phần nộp NSNN theo quy định.

- Đối với khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan tài chính theo quy định. Các cơ quan, đơn vị, quận, huyện, thị xã tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

***2.2. Xây dựng dự toán thu từ các hoạt động xuất nhập khẩu***

Đề nghị Cục Hải quan Thành phố Hà Nội căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08/6/2018 của Bộ Tài chính xây dựng dự toán thu NSNN từ các hoạt động xuất, nhập khẩu, gửi Sở Tài chính tổng hợp chung báo cáo UBND Thành phố, Bộ Tài chính theo quy định.

**3. Xây dựng dự toán chi NSNN**

***3.1. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển***

a) Xây dựng dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN (bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ, vốn TPCP, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu tiền sử dụng đất) đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 – 2020; đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công.

Căn cứ tiến độ thực hiện 03 năm 2016 - 2018, lập dự toán chi ĐTPT năm 2019, kiến nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn (nếu cần thiết) cho phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của bộ, cơ quan trung ương, các cơ quan, đơn vị ở địa phương nhưng phải trong phạm vi tổng mức kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được giao/phê duyệt.

b) Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN cần chi tiết theo các lĩnh vực chi phù hợp với quy định của Luật NSNN và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên: (i) bố trí vốn đầy đủ theo phân kỳ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu của Thành phố; đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, các dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố thuộc các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, môi trường, y tế, giáo dục, công trình dân sinh bức xúc khác; (ii) bố trí đủ vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư PPP; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước; (iii) chỉ bố trí cho các dự án khởi công mới nếu còn nguồn và đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

c) Bố trí dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án di dân, tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng, CTMTQG Nông thôn mới,…

d) Đối với nguồn thu XSKT: thực hiện dự toán nguồn thu này trong dự toán thu cân đối NSĐP, sử dụng toàn bộ cho chi ĐTPT, trong đó bố trí tối thiểu 60% cho đầu tư lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề và lĩnh vực y tế; bố trí tối thiểu 10% cho CTMTQG xây dựng nông thôn mới. Sau khi đã bố trí vốn đảm bảo hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực nêu trên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, số thu còn lại (nếu có) bố trí cho các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSĐP.

đ) Đối với các cơ quan, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước để đầu tư, phải lập dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu này (bao gồm cả số dự kiến thu năm 2018 chưa sử dụng hết) và tổng hợp trong dự toán chi ĐTPT của cơ quan, đơn vị mình, gửi cơ quan Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan Tài chính cùng cấp để tổng hợp dự toán NSNN trình cấp có thẩm quyền quyết định.

e) Đối với kinh phí triển khai công tác lập quy hoạch: Thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật quy hoạch.

***3.2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên***

a) Các sở, ngành và quận, huyện, thị xã căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2019, xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2019, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, bao gồm cả các chính sách nghèo đa chiều theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Các sở, ngành và quận, huyện, thị xã, các cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN lập dự toán chi thường xuyên theo đúng lĩnh vực, đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm. Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định. Trong đó, dự toán chi mua sắm máy móc, thiết bị theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; dự toán chi mua sắm phương tiện đi lại chỉ được thực hiện sau khi đã rà soát, sắp xếp lại, xử lý số xe hiện có mà vẫn còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) và các quy định của UBND Thành phố . Hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng hiện đại gắn với cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4.

b) Dự toán chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với mục tiêu, nhiệm vụ tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017; việc rà soát, sắp xếp lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Kế hoạch số 70-KH/TU ngày 25/01/2018 của Thành ủy Hà Nội chi tiết việc triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong năm 2019; xác định mức kinh phí dành ra gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2019. Cụ thể:

- Theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kế hoạch số 70-KH/TU của Thành ủy Hà Nội đối với: (i) Việc sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức và các đầu mối bên trong của từng tổ chức theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy khắc phục tình trạng trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý; (ii) Đổi mới về tổ chức bộ máy và kiêm nhiệm chức danh để tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; (iii) Sắp xếp thu gọn hợp lý các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên và giảm số lượng thôn, tổ dân phố.

- Tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW; Thông báo kết luận số 30-TB/TW ngày 23/5/2017 về kết quả kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị; Kết luận số 17-KL/TW; Công văn số 5470/BNV-TCBC ngày 13/10/2017 của Bộ Nội vụ, theo đó mức giảm biên chế năm 2019 được xác định là mức giảm tối thiểu/năm đối với từng nhóm cơ quan tương ứng.

Ước tính kinh phí dành ra đối với các cơ quan hành chính từ giảm chi con người, chi hoạt động bộ máy, chi cơ sở vật chất…; cũng như nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành.

c) Dự toán chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp xây dựng trên cơ sở tiến độ đã thực hiện giai đoạn 2016 - 2018; mục tiêu, nhiệm vụ tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo Kết luận số 17-KL/TW; các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 10/NQ-CP, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Kế hoạch 72-KH/TW ngày 27/01/2018 của Thành ủy Hà Nội; chi tiết việc triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong năm 2019; xác định mức giảm dự toán gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2019. Cụ thể:

- Việc tinh giản biên chế theo Kết luận số 17-KL/TW, theo đó mức giảm biên chế năm 2019 được xác định là mức giảm tối thiểu/năm đối với từng nhóm cơ quan tương ứng.

- Việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Giảm đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập; giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định trong các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ những đơn vị đã bảo đảm tự chủ tài chính).

- Lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp. Trên cơ sở đó, tăng đơn vị tự chủ toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, tự chủ toàn bộ chi thường xuyên; tăng mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp còn lại.

Ước tính kinh phí dành ra đối với từng mục tiêu, chi tiết giảm chi con người, chi hoạt động bộ máy, giảm chi gắn với lộ trình tăng giá, phí dịch vụ sự nghiệp công và chuyển nhóm đơn vị tự chủ…; cũng như nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành.

- Việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần (trừ các bệnh viện và trường học).

d) Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2019:

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Lập dự toán chi đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thuyết minh cụ thể các nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở, các nhiệm vụ thường xuyên và không thường xuyên khác của tổ chức khoa học và công nghệ. Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập theo quy định của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách phụ cấp thâm niên nhà giáo, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu chi thực hiện các chương trình, đề án của ngành y tế; dự kiến số kinh phí giảm cấp chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế; nhu cầu kinh phí NSNN phải đảm bảo chi trả đối với các khoản kinh phí chưa kết cấu vào giá dịch vụ y tế, chế độ phụ cấp chống dịch theo quy định. Dự kiến tác động đối với dự toán NSNN năm 2019 khi triển khai thực hiện Thông tư 02/2017/TT-BYT ngày 15/03/2017 của Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT trong các cơ sở khám, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

- Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thuỷ lợi,…) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công. Xây dựng dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP.

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế năm 2019 (bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2018, trừ đi (-) số biên chế phải tinh giản năm 2019 theo mức giảm tối thiểu/năm đối với từng khối cơ quan, đơn vị quy định tại Kết luận số 17-KL/TW), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt năm 2018 (nếu có).

+ Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ sở 1,39 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: *(i)* Quỹ tiền lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán (trong phạm vi biên chế được duyệt), được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, BHYT, kinh phí công đoàn); *(ii)* Quỹ tiền lương của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1,39 triệu đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ; *(iii)* số phải giảm quỹ lương theo lộ trình thực hiện Kết luận số 17-KL/TW. Trong đó, tách riêng: quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1,21 triệu đồng/tháng và quỹ tiền lương thăm thêm từ mức lương cơ sở 1,21 triệu đồng/tháng lên 1,39 triệu đồng/tháng.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2019 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Đối với kinh phí cho hoạt động giám sát, phản biện của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thuộc thành phố Hà Nội: lập dự toán theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND Thành phố. Ngân sách các cấp bố trí đảm bảo kinh phí ngoài định mức khoán kinh phí hoạt động theo quy định; kinh phí thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố”: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của HĐND Thành phố thông qua tại kỳ họp thứ 6 HĐND Thành phố khóa XV.

- Các hội có tính chất đặc thù có phạm vi hoạt động trong Thành phố xây dựng các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện, chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của hội gửi các Sở, ban, ngành Thành phố theo lĩnh vực quản lý để thẩm định, trình UBND Thành phố quyết định giao kinh phí cho hội thực hiện những nhiệm vụ phù hợp với nhiệm vụ của Nhà nước và khả năng thực hiện của hội theo đúng quy định tại Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND Thành phố về quy định về tổ chức, hoạt động của Hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về Hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Đối với dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị: Các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, tổng hợp chung vào dự toán của cơ quan, đơn vị mình và gửi cơ quan chủ quản (đơn vị dự toán cấp I - nếu có) để xem xét, tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan Tài chính cùng cấp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định. Điều kiện bố trí kinh phí cụ thể như sau:

(1) Đối với công trình sửa chữa có chi phí dưới 500 triệu đồng:

Có Kế hoạch sửa chữa và Dự toán chi phí sửa chữa do đơn vị quản lý, sử dụng công trình phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, bảo trì công trình xây dựng. Kế hoạch sửa chữa gồm các nội dung: tên công trình, bộ phận công trình cần sửa chữa, lý do sửa chữa, mục tiêu sửa chữa, khối lượng sửa chữa, dự kiến kinh phí sửa chữa, thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành.

(2) Đối với công trình sửa chữa có chi phí từ 500 triệu đồng trở lên, công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng:

- Kinh phí chuẩn bị dự án: Có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền trước thời điểm cơ quan Tài chính hoàn thành công tác tổng hợp dự toán ngân sách hàng năm, báo cáo UBND để trình HĐND cùng cấp quyết định. Thời điểm cơ quan Tài chính hoàn thành công tác tổng hợp dự toán ngân sách theo văn bản chỉ đạo của UBND các cấp về việc chuẩn bị tài liệu trình HĐND cùng cấp hàng năm.

- Kinh phí thực hiện dự án: Có quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền (hoặc quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với các dự án theo quy định chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật) hoặc báo cáo thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời điểm cơ quan Tài chính hoàn thành công tác tổng hợp dự toán ngân sách hàng năm, báo cáo UBND để trình HĐND cùng cấp quyết định.

e) Đối với một số nhiệm vụ chi cụ thể, các đơn vị xây dựng dự toán gửi cơ quan chủ trì, đồng thời tổng hợp trong dự toán chi thường xuyên gửi Sở Tài chính, cụ thể:

- Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Các đơn vị xây dựng chỉ tiêu đào tạo và lập dự toán gửi Sở Nội vụ, đồng thời tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị. Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp các chỉ tiêu, kinh phí của các đơn vị, gửi Sở Tài chính theo quy định.

- Chi đoàn ra, đoàn vào: Các đơn vị xây dựng chương trình và dự toán gửi Sở Ngoại vụ, đồng thời tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị. Sở Ngoại vụ thẩm định, tổng hợp các nội dung, kinh phí của các đơn vị, gửi Sở Tài chính theo quy định.

- Chi công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Các đơn vị lập dự toán gửi Sở Tư pháp, đồng thời tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị. Sở Tư pháp thẩm định, tổng hợp các nội dung, kinh phí thực hiện của các đơn vị, gửi Sở Tài chính theo quy định.

- Kinh phí phòng chống tai nạn thương tích: Các đơn vị xây dựng dự toán gửi Sở Y tế, đồng thời tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị. Sở Y tế thẩm định, tổng hợp các nội dung, kinh phí của các đơn vị, gửi Sở Tài chính theo quy định.

- Kinh phí thực hiện cuộc vận động “Người Việt nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”: Các đơn vị lập dự toán gửi Ủy ban mặt trận Tổ Quốc Thành phố Hà Nội, đồng thời tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ Quốc Thành phố Hà Nội thẩm định, tổng hợp các nội dung, kinh phí thực hiện của các đơn vị, gửi Sở Tài chính theo quy định.

- Đối với một số khoản kinh phí: Kinh phí công tác an toàn lao động - vệ sinh lao động; kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn; kinh phí trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Chính phủ: Các đơn vị xây dựng dự toán gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội, đồng thời tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị. Sở Lao động Thương binh và Xã hội thẩm định, tổng hợp các nội dung, kinh phí của các đơn vị, gửi Sở Tài chính theo quy định.

- Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội: Các quận, huyện, thị xã lập dự toán kinh phí thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội, chính sách đối với người cao tuổi, người khuyết tật; chính sách bảo hiểm y tế hỗ trợ người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người cận nghèo, học sinh, sinh viên, hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, chi tiết kinh phí mua thẻ BHYT cho đối tượng nghèo đa chiều thiếu BHYT và không thiếu hụt BHYT; chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế; chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ người có công với cách mạng; chính sách đối với các hộ nghèo và hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; các chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc nội trú, bán trú, học sinh học tại các trường ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chính sách hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo, hộ chính sách xã hội,…(đối với từng chính sách, đề nghị báo cáo cụ thể đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện theo biểu mẫu đính kèm) trong dự toán chi ngân sách quận, huyện, thị xã, đồng thời gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội thẩm định, tổng hợp, gửi Sở Tài chính theo quy định.

- Kinh phí thực hiện công tác thông tin đối ngoại của Thành phố: Các đơn vị xây dựng dự toán gửi Ban Tuyên giáo Thành ủy, đồng thời tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị. Đề nghị Ban Tuyên giáo Thành ủy thẩm định, tổng hợp các nội dung, kinh phí của các đơn vị, gửi Sở Tài chính theo quy định.

***3.3. Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2019***

Các sở, ngành và quận, huyện, thị xã tiếp tục cơ chế tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% nguồn tăng thu NSĐP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động XSKT), bao gồm tăng thu thực hiện năm 2018 so dự toán năm 2018, tăng thu dự toán năm 2019 so với dự toán năm 2017 (đối với các quận, huyện, thị xã); một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư; nguồn chi thường xuyên dành ra gắn với thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, trong đó chi tiết đối với từng Nghị quyết, theo từng mục tiêu, bao gồm cả nguồn dành ra do thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và thực hiện tăng tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở điều chỉnh giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định của Chính phủ quy định quyền tự chủ của đơn vị sự nghiệp trong từng lĩnh vực cụ thể.

***3.4. Xây dựng dự toán các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu Thành phố:***

Đối với các Chương trình MTQG, chương trình mục tiêu: Việc triển khai thực hiện, bố trí kinh phí các chương trình MTQG, chương trình mục tiêu Thành phố thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các Bộ chủ quản của các chương trình mục tiêu và khả năng cân đối của ngân sách Thành phố; căn cứ nhiệm vụ được giao tại quyết định phê duyệt từng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, cơ quan quản lý chương trình phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư, nguồn NSTW, nguồn đối ứng NSĐP, nguồn vốn ngoài nước (nếu có), báo cáo UBND Thành phố gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ chủ quản chương trình theo quy định.

Đối với các chương trình mục tiêu Thành phố: Các cơ quan chủ trì chương trình rà soát tiến độ triển khai thực hiện năm 2018 và lũy kế giai đoạn 2016-2018, trên cơ sở tổng mức vốn cân đối cho chương trình giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2019 đề xuất mức kinh phí và phương án phân bổ kinh phí thực hiện chương trình năm 2019 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định.

***3.5.*** Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ phi chính phủ nước ngoài:

Căn cứ quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thi hành, căn cứ Hiệp định đã ký với nhà tài trợ, lũy kế việc thực hiện năm 2016 - 2018; khả năng thực hiện dự án năm 2019 và trong phạm vi hạn mức vốn ngoài nước trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; trên cơ sở cơ chế tài chính của các chương trình, dự án; các cơ quan, đơn vị thực hiện lập dự toán các chương trình, dự án có sử dụng vốn ngoài nước, chi tiết vốn vay nợ nước ngoài (bao gồm vay ODA, vay ưu đãi), vốn viện trợ, vốn đối ứng; phân định theo tính chất chi ĐTPT, chi sự nghiệp; ưu tiên bố trí đủ kế hoạch vốn cho các dự án kết thúc hiệp định trong năm kế hoạch, đối với các chương trình, dự án mới, chỉ triển khai nếu thực sự hiệu quả, phù hợp với khả năng giải ngân theo Hiệp định đã ký và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Đối với các chương trình, dự án hỗn hợp cả vốn cấp phát từ NSNN và vốn cho vay lại, cơ quan được giao quản lý chương trình, dự án phải hướng dẫn lập, tổng hợp dự toán cho từng phần vốn.

***3.6.*** Bố trí dự phòng ngân sách quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn theo quy định của Luật NSNN năm 2015 để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

***3.7.*** Dự toán chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ: các cơ quan, đơn vị dự toán thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định mẫu biểu tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, nhưng không tổng hợp vào dự toán chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị dự toán.

***3.8.*** Đối với dự toán chi đầu tư xây dựng nhà tái định cư, đầu tư hạ tầng đất đấu giá, đất dịch vụ, các chủ đầu tư ngoài việc gửi báo cáo cho Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Tài chính, đề nghị gửi cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố theo phân công nhiệm vụ của UBND Thành phố.

***3.9.*** Căn cứ số kiểm tra thu, chi ngân sách năm 2019, các sở, ngành và quận, huyện xây dựng dự toán chi phải chặt chẽ và chi tiết đối với từng nhiệm vụ, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; sau khi đã làm việc với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành và quận, huyện, thị xã triển khai ngay công tác lập phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2019 của cơ quan, địa phương mình để khi nhận được dự toán ngân sách UBND Thành phố giao, chủ động trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ theo từng lĩnh vực và giao dự toán NSNN năm 2019 đến đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo thời gian theo đúng quy định của Luật NSNN.

Các sở, ngành và quận, huyện, thị xã phải tập trung chỉ đạo rà soát lại tất cả các khâu trong công tác phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN, đặc biệt là vốn đầu tư XDCB và vốn vay, viện trợ, nhằm đảm bảo việc phân bổ ngân sách đúng mục tiêu, đúng chế độ, đúng đối tượng; việc quản lý, sử dụng ngân sách phải chặt chẽ, hiệu quả, có chế độ báo cáo, kiểm tra, kiểm toán, tránh để xảy ra thất thoát, lãng phí.

***3.10.*** Các sở, ngành, đơn vị thuộc Thành phố được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải đánh giá kết quả hoạt động và báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2018 và dự kiến kế hoạch hoạt động và thu - chi tài chính năm 2019 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2019 của cơ quan, đơn vị mình tới cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

***3.11. Xây dựng dự toán đối với các đơn vị sự nghiệp công lập***

*a) Các đơn vị* sự nghiệp công lập trong lĩnh vực kinh tế - sự nghiệp khác:

Các đơn vị xây dựng dự toán theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

b) Các *đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ:*

Các đơn vị xây dựng dự toán theo quy định của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Thông tư số 01/2017/TT-BKHCN ngày 12/01/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

*c) Các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực khác (giáo dục đào tạo; dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin truyền thông và báo chí)*

Trong khi chưa ban hành hoặc sửa đổi Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực cụ thể theo quy định tại Khoản 1 Điều này, các đơn vị sự nghiệp công theo từng lĩnh vực được tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số [43/2006/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-43-2006-nd-cp-quyen-tu-chu-tu-chiu-trach-nhiem-thuc-hien-nhiem-vu-to-chuc-bo-may-bien-che-tai-chinh-doi-voi-don-vi-su-nghiep-cong-lap-11313.aspx) ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số [85/2012/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/nghi-dinh-85-2012-nd-cp-co-che-hoat-dong-tai-chinh-doi-voi-don-vi-su-nghiep-y-te-149723.aspx) ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

Khi Chính phủ ban hành các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh lực, các Bộ ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập và có hiệu lực thi hành, thực hiện theo các quy định tại các văn bản của Trung ương.

***3.12.*** Việc tổ chức công tác xây dựng, tổng hợp và báo cáo dự toán ngân sách năm 2019 theo đúng quy định của Luật NSNN 2015, Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn. Các biểu mẫu lập dự toán thu, chi ngân sách của các đơn vị được thực hiện theo hướng dẫn này trên cơ sở quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 và Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 0808/6/2018 của Bộ Tài chính.

**III/ LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 3 NĂM 2019-2021**

**1. Yêu cầu lập kế hoạch**

Năm 2019 là năm thứ hai UBND Thành phố và các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc Thành phố triển khai xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019-2021 làm cơ sở cho việc lập, xem xét, quyết định dự toán NSNN năm 2019. Theo quy định tại Luật NSNN 2015, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm, việc lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 đảm bảo các yêu cầu sau:

1.1. Căn cứ kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020 đã được rà soát, cập nhật vào thời điểm 31/3/2018, các trần chi tiêu giai đoạn 2019 - 2021 do cơ quan tài chính, kế hoạch và đầu tư cập nhật, thông báo; các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc Thành phố xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 theo hướng dẫn tại các văn bản nêu trên.

Trường hợp nhu cầu chi của các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc Thành phố trong các năm 2019 - 2021 tăng, giảm mạnh so với dự toán năm 2018 đã được giao và ước thực hiện năm 2018, lớn hơn khả năng nguồn lực tài chính - NSNN mà cơ quan tài chính, đầu tư cập nhật, thông báo cho kỳ 3 năm 2019 - 2021; các cơ quan, đơn vị thuyết minh, giải trình, có các giải pháp huy động thêm các nguồn lực tài chính ngoài ngân sách, đảm bảo các nhu cầu chi phải được cân đối từ các nguồn lực tương ứng.

1.2. Riêng đối với năm 2021, việc xây dựng số thu, nhiệm vụ chi, bội chi và vay nợ trên cơ sở Luật NSNN, các Luật về thuế, phí, lệ phí, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, các Luật có liên quan đang có hiệu lực và các văn bản hướng dẫn; định hướng cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công theo Nghị quyết số 07-NQ/TW; lộ trình triển khai các Nghị quyết Hội nghị Trung ương Khóa XII, đặt biệt là Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW; các chế độ, chính sách, nhiệm vụ, chương trình, dự án chi ngân sách đang được thực hiện theo phân kỳ được phê duyệt; các thỏa thuận, hiệp định vay nợ đã được ký kết, triển khai theo cam kết.

*1.3.* Lập kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2019 - 2021 trên cơ sở dự kiến một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô giai đoạn 2019 - 2021 như sau: năm 2019, 2020 tăng trưởng phấn đấu cao hơn năm 2018, đảm bảo thực hiện mục tiêu tăng trưởng bình quân cả nước giai đoạn 2016 - 2020 ở mức 6,5 - 7% và mức tăng trưởng của Thành phố giai đoạn 2016 - 2020 (theo cách tính mới, mục tiêu cả nhiệm kỳ là 7,3 - 7,8%); năm 2021, tốc độ tăng trưởng kinh tế có khả năng chậm lại do quy mô GDP ở mức cao, xu hướng tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại; chỉ số giá tiêu dùng ổn định ở mức dưới 4%/năm; tốc độ tăng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa có xu hướng giảm.

***1.4.*** Việc lập, báo cáo, tổng hợp và trình kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019-2021 được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự toán NSNN năm 2019.

**2. Lập kế hoạch thu NSNN**

***2.1.*** Cục Thuế, Cục Hải quan Thành phố xây dựng Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2019-2021 trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2018-2020; dự toán thu NSNN năm 2019 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2020, năm 2021 theo quy định tại mục 2.2 dưới đây; đảm bảo nguyên tắc mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định của Luật NSNN.

***2.2.*** Tỷ lệ tăng trưởng thu dự kiến cho giai đoạn 2019-2021 được xác định theo đúng chính sách, chế độ thu NSNN hiện hành, đồng thời tính đến:

a) Cập nhật khả năng phát triển kinh tế trong năm 2019 và năm 2020, dự kiến năm 2021 phù hợp với bối cảnh kinh tế vĩ mô tại; các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của từng năm; các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế.

b) Cập nhật các yếu tố dự kiến làm tăng, giảm thu do điều chỉnh chính sách thu, bổ sung mở rộng cơ sở tính thuế , tăng cường quản lý thu theo đúng các định hướng tại Nghị quyết số 07-NQ/TW, Nghị quyết số 25/2016/QH14 của Quốc hội và Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết 07-NQ/TW; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết hội nhập đến năm 2021.

c) Tác động thu ngân sách từ việc điều chỉnh giá, phí các dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình kết cấu đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP .

Trên cơ sở đó, phấn đấu giai đoạn 2019-2020 thu nội địa (không kể thu từ dầu thô, thu tiền sử dụng đất, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, thu XSKT) tăng bình quân tối thiểu 12-14%/năm, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân 5 - 7%/năm. Mức tăng thu cụ thể của từng địa bàn tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương.

2.3. Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định, các cơ quan, đơn vị căn cứ số dự kiến thu năm 2019 để xây dựng kế hoạch thu năm 2020, năm 2021 phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN) theo quy định, gắn với lộ trình tăng phí theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phần phí, lệ phí nộp NSNN.

2.4. Đối với các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế, dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ không thuộc nguồn thu NSNN, các cơ quan, đơn vị lập kế hoạch riêng nguồn thu và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền quản lý, giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định.

**3. Lập kế hoạch chi NSNN 03 năm 2019 - 2021 của các sở, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố**

3.1. Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2019-2021 của các sở, ngành, cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc Thành phố được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020, số ước thực hiện năm 2019, trần chi ngân sách giai đoạn 2019-2021 do cơ quan có thẩm quyền thông báo trong đó thuyết minh cụ thể các nhu cầu chi tăng, giảm gắn với việc thay đổi cơ chế, chính sách theo các chủ trương, phê duyệt của cấp thẩm quyền; các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) đã hết thời gian thực hiện/mới được phê duyệt, đặc biệt lưu ý việc triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 07-KH/TW, các Nghị quyết số 08/NQ-CP và Nghị quyết số 10/NQ-CP của Chính phủ ban hành hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW.

3.2. Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2019, các sở, ngành, cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc Thành phố đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của cơ quan, đơn vị mình năm dự toán 2018 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi ĐTPT, nhu cầu chi thường xuyên trong kế hoạch chi năm 2020, năm 2021.

3.3. Lập kế hoạch chi các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm cả vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

Căn cứ các Hiệp định vay nợ, thỏa thuận viện trợ đã ký với nhà tài trợ và cơ chế tài chính của chương trình, dự án; thực tế triển khai các năm 2016-2018; các sở, ngành, cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc Thành phố lập kế hoạch chi cho các chương trình, dự án năm 2019-2020, trong đó chi tiết vốn vay, vốn viện trợ không hoàn lại, vốn đối ứng của từng chương trình, dự án và phù hợp với tính chất sử dụng vốn (vốn ĐTPT và vốn sự nghiệp) theo các lĩnh vực chi tương ứng; cùng với các nguồn vay nợ khác, đảm bảo trong hạn mức vay trung hạn 2016 - 2020 đã được giao.

Đối với năm 2021, việc lập kế hoạch chi từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài tiếp tục theo các Hiệp định, thỏa thuận vay và cơ chế tài chính đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3.4. UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng dự toán, đề xuất nhu cầu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Thành phố trong 03 năm 2019-2021, chi tiết theo từng năm và từng nhiệm vụ, chương trình, dự án, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành và cam kết chi; gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

**IV/ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Căn cứ hướng dẫn tại văn bản này và số thông báo kiểm tra về dự toán ngân sách của Sở Tài chính, các sở, ngành, quận, huyện, thị xã và các đơn vị thụ hưởng ngân sách Thành phố triển khai đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2018 và xây dựng dự toán ngân sách năm 2019; kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019-2021 (đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc Thành phố) theo các biểu mẫu kèm theo hướng dẫn này, gửi về Sở Tài chính và các sở, ngành tổng hợp có liên quan trước ngày 20/7/2018. Thời gian thảo luận dự toán ngân sách với các sở, ngành và quận, huyện, thị xã; Sở Tài chính sẽ phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế Hà Nội thông báo sau.

- Đối với một số nhiệm vụ chi thực hiện các chương trình, kế hoạch chung của Thành phố, các đơn vị theo nhiệm vụ được phân công xây dựng dự toán kinh phí thực hiện gửi sở, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì tổng hợp kinh phí, trên cơ sở đó cơ quan chủ trì thẩm định, tổng hợp nội dung, kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch của Thành phố, gửi Sở Tài chính trước ngày 20/8/2018 tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

- Căn cứ kết quả làm việc với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 và dự toán do các sở, ngành, quận, huyện, thị xã lập; Sở Tài chính chủ trì cùng Cục thuế Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét cụ thể, báo cáo UBND Thành phố về dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ chi tiết dự toán ngân sách Thành phố năm 2019; báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quyết nghị thông qua.

- Căn cứ Nghị quyết của HĐND Thành phố, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND Thành phố quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các sở, ngành, quận, huyện, thị xã và các đơn vị thụ hưởng ngân sách Thành phố.

- Căn cứ Nghị quyết của HĐND quận, huyện, thị xã; UBND quận, huyện, thị xã quyết định phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị và các xã, phường, thị trấn đảm bảo thời gian Luật NSNN đã quy định.

Trên đây là những nội dung hướng dẫn về công tác xây dựng dự toán ngân sách năm 2019 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2019-2021; trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các sở, ngành và quận, huyện, thị xã phản ánh về Sở Tài chính để kịp thời xem xét xử lý./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thường trực TU; *để*  - TT HĐND TP; *báo*  - UBND Thành phố; *cáo*  - Ban Kinh tế và NS – HĐND TP;  - Cục Thuế Hà Nội, Cục Hải quan HN,  KBNN Hà Nội, Sở KH&ĐT;  - Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể,  các đơn vị dự toán cấp I của TP;  - Các Quỹ Tài chính địa phương;  - HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;  - Phòng TCKH các quận, huyện, thị xã;  - Các đ/c PGĐ Sở Tài chính;  - Website: www.sotaichinh.hanoi.gov.vn;  - Các Phòng: TCHCSN, TCĐT; TTMSTSC  - Lưu: VT, QLNS. | **GIÁM ĐỐC**  **Hà Minh Hải** |